

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

QUÝ 1 NĂM 2010

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	QUÝ 1/2010		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5	6	7
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.25	577,002,337,237	389,506,508,690	577,002,337,237	389,506,508,690
2. Các khoản giảm trừ	02	VI.26	-	0	-	0
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	VI.27	577,002,337,237	389,506,508,690	577,002,337,237	389,506,508,690
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.28	509,140,832,572	329,320,980,916	509,140,832,572	329,320,980,916
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		67,861,504,665	60,185,527,774	67,861,504,665	60,185,527,774
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.29	7,769,589,447	5,849,862,478	7,769,589,447	5,849,862,478
7. Chi phí tài chính	22	VI.30	(2,688,129,731)	23,546,383,466	(2,688,129,731)	23,546,383,466
- Trong đó chi phí lãi vay	23		0	0	0	0
8. Chi phí bán hàng	24		0	0	0	0
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		17,867,001,197	5,175,251,940	17,867,001,197	5,175,251,940
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(24+25))	30		60,452,222,646	37,313,754,846	60,452,222,646	37,313,754,846
11. Thu nhập khác	31		8,694,054,929	67,033,755	8,694,054,929	67,033,755
12. Chi phí khác	32		0	57,072,400	0	57,072,400
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		8,694,054,929	9,961,355	8,694,054,929	9,961,355
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		69,146,277,575	37,323,716,201	69,146,277,575	37,323,716,201
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.31	15,307,030,571	8,292,594,136	15,307,030,571	8,292,594,136
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	VI.32	2,009,104,952	0	2,009,104,952	0
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		51,830,142,052	29,031,122,065	51,830,142,052	29,031,122,065

Người lập biểu

Kế toán trưởng

TP. Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 04 năm 2010

Tổng Giám Đốc

Nguyễn Thị Phức Long

Hà Tiểu Anh



Nguyễn Bá Dương